

CTCP Cảng Hải Phòng (UPCOM: PHP)

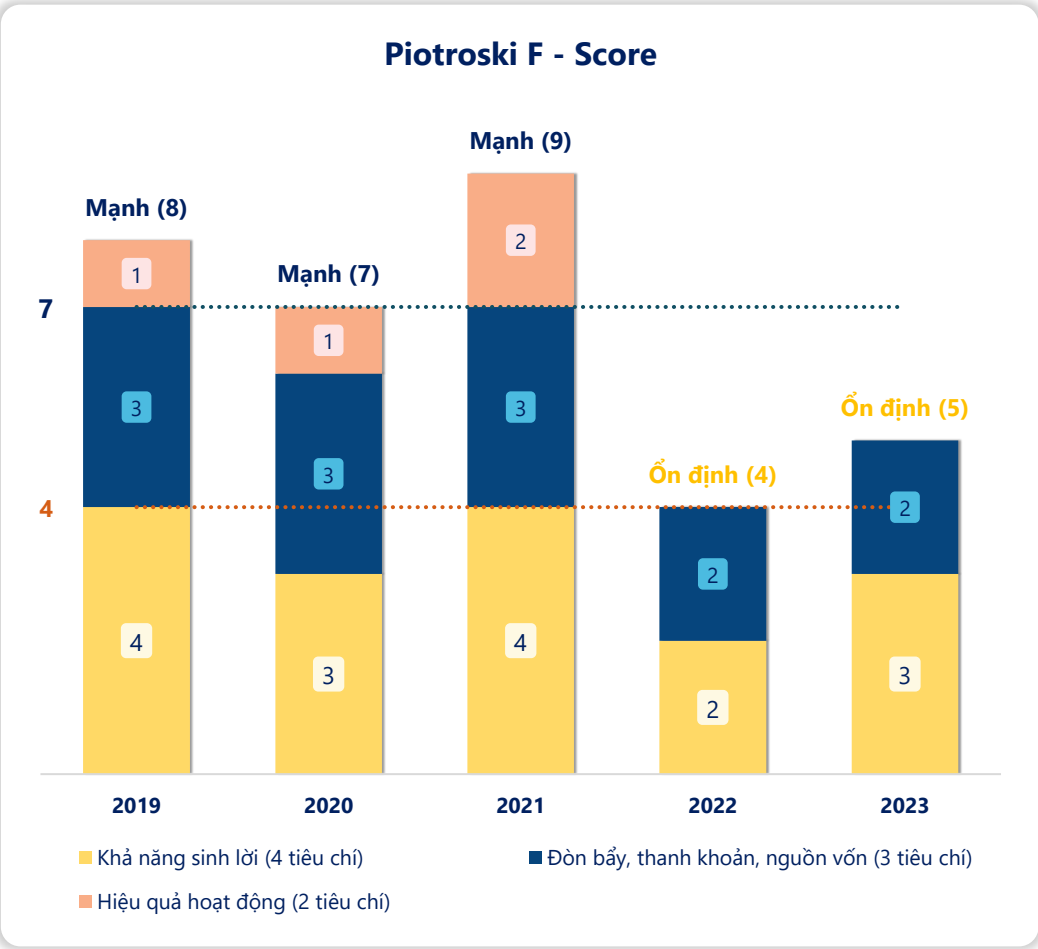
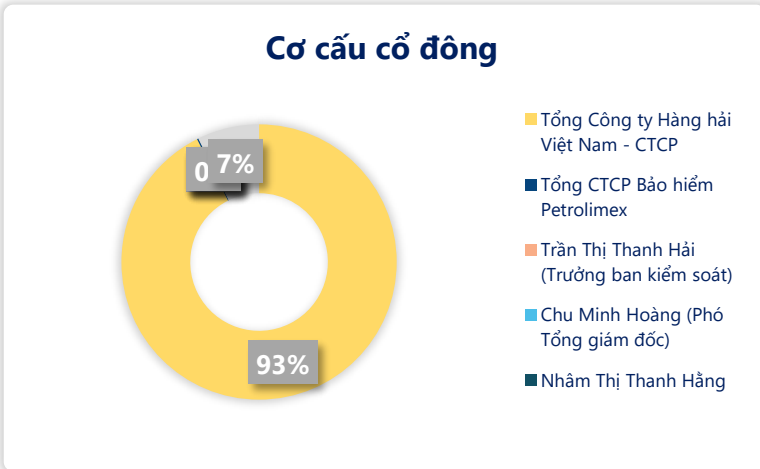
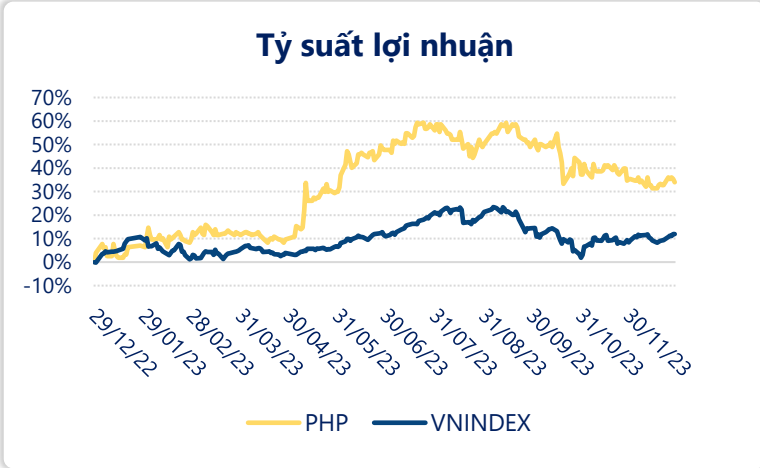
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	20,700 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.5%	-10.8%	-10.9%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	5/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
2,156	YoY
tỷ VNĐ	▼ 194
	▼ 8.2%

LN sau thuế	2023
745	YoY
tỷ VNĐ	▲ 21.0
	▲ 2.9%

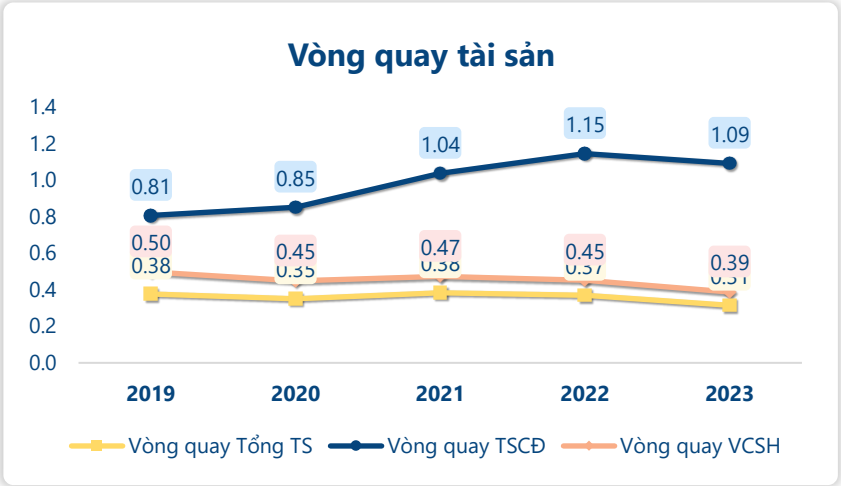
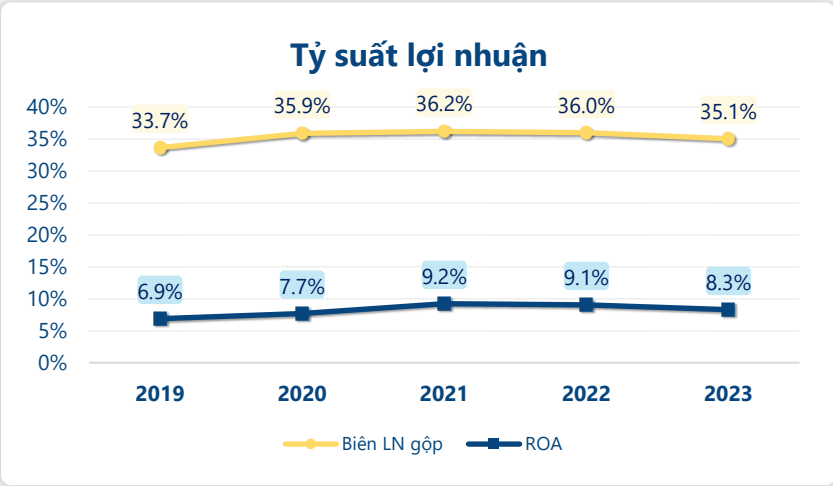
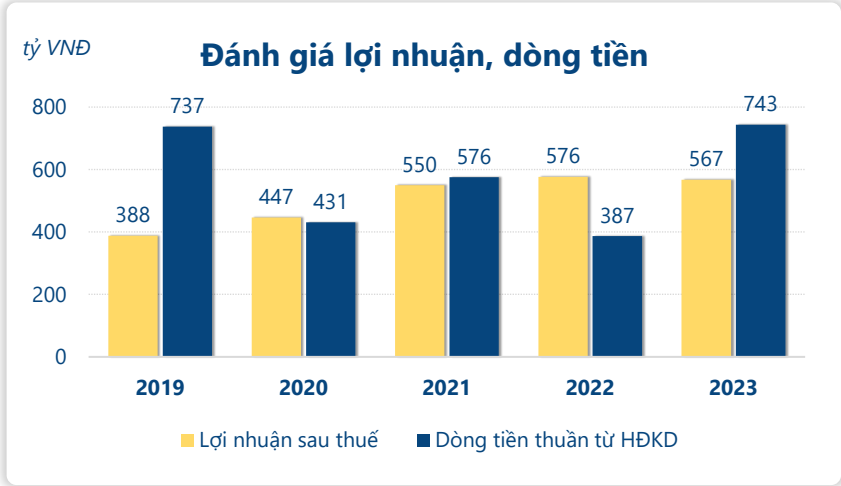


Năm **2023**, F-Score của **PHP** đạt **5/9** cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "**Ổn định**".

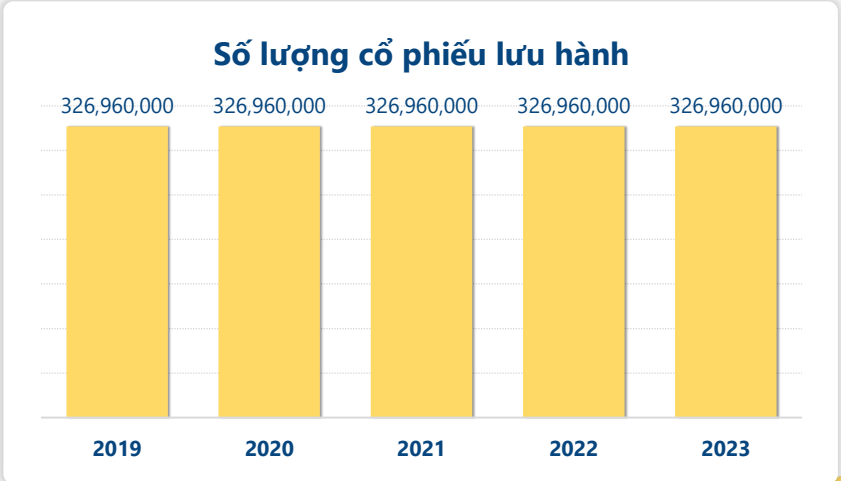
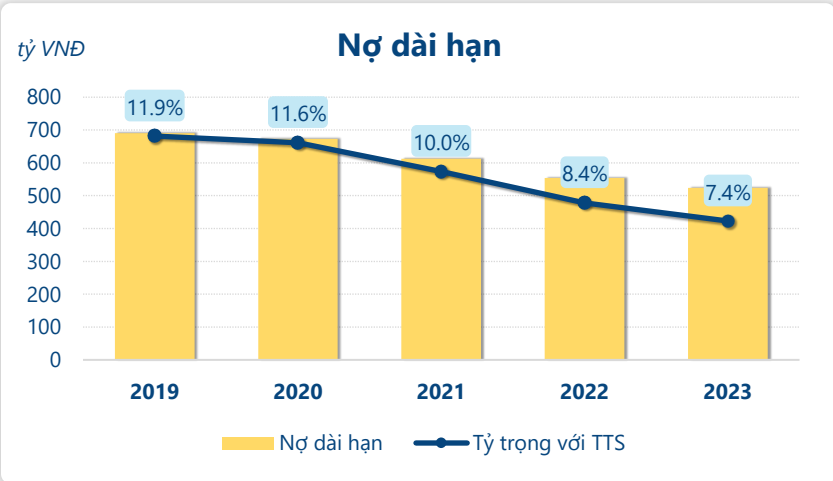
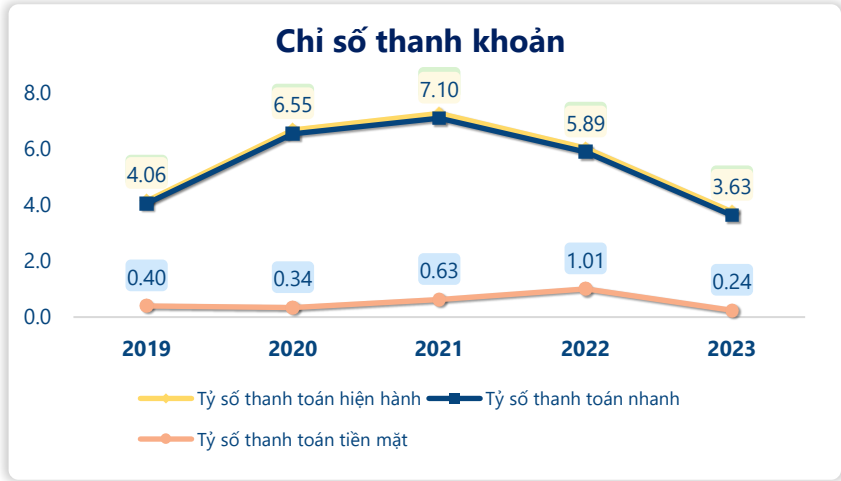
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **2/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Cảng Hải Phòng (UPCOM: PHP)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **PHP**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	7,080	6,615	7.0%
Tài sản ngắn hạn	3,080	4,093	-24.8%
Tiền và tương đương tiền	198	683	-70.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,964	2,481	-20.9%
Phải thu ngắn hạn	689	804	-14.3%
Hàng tồn kho	104	93.5	10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	125	32.1	289%
Tài sản dài hạn	4,000	2,522	58.6%
Phải thu dài hạn	0.12	0.16	-22.6%
Tài sản cố định	1,975	1,973	0.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,621	127	1173%
Đầu tư tài chính dài hạn	318	326	-2.5%
Tài sản dài hạn khác	85.7	95.2	-10.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,344	1,233	9.0%
Nợ ngắn hạn	807	679	18.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.3	27.5	-51.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	175	122	43.8%
Nợ dài hạn	537	554	-3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	528	550	-4.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,737	5,383	6.6%
Vốn chủ sở hữu	5,737	5,383	6.6%
Vốn điều lệ	3,270	3,270	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,117	2,031	2,285	2,350	2,156
Giá vốn hàng bán	1,404	1,302	1,458	1,504	1,401
Lợi nhuận gộp	712	729	827	845	756
Doanh thu HĐTC	139	162	183	193	217
Chi phí TC	53.1	30.4	12.3	18.0	8.91
Chi phí lãi vay	42.5	8.93	82.9	7.37	6.53
LN trong công ty LKLD	31.5	27.9	48.7	69.3	77.6
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	211	189	182	215	216
LN thuần từ HĐKD	619	699	864	874	825
Lợi nhuận khác	3.49	0.77	-4.56	17.5	90.0
LN trước thuế	622	700	859	891	915
Lợi nhuận sau thuế	503	564	696	724	745
LNST của CĐ cty mẹ	388	447	550	576	567

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	737	431	576	387	743
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-634	-198	-116	262	-970
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-223	-345	-309	-278	-256
Tiền đầu kỳ	394	274	161	309	683
Lưu chuyển tiền thuần	-120	-113	151	371	-483
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.19	-0.51	-2.81	2.32	-1.25
Tiền cuối kỳ	274	161	309	683	198